

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HÀNH VI TỔ CHỨC**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Quản trị kinh doanh

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Hành vi tổ chức (**Organizational Behavior**)
- Mã học phần: DQK.02.22
- Số tín chỉ: 02
- Vị trí của học phần trong CTĐT: Kiến thức ngành, tự chọn
- Đối tượng học: Sinh viên chuyên ngành QTKD
- Các học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Quản trị học
- Học phần song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận nhóm, thực hành: 10 tiết

+ Kiểm tra: 1 tiết

+ Tự học: 60 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh

- Giảng viên phụ trách học phần:

Họ và tên: ThS. Võ Thị Đào

Chức danh: Giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0389233426; Email: vodao@fbu.edu.vn

2. Các môn học tiên quyết: Không

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung

Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức, Xác định được các

cơ sở của hành vi cá nhân và hành vi nhóm, các vấn đề về cơ cấu tổ chức và văn hoá tổ

chức Phân tích được các vấn đề tồn tại và thích ứng của tổ chức, sự thay đổi tổ chức,

quá trình phát triển của tổ chức, các yếu tố cản trở sự thay đổi tổ chức và các biện pháp

khắc phục những cản trở đó. Mô tả được cách tiến hành các trắc nghiệm về hành vi tổ

chức.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Trình bày được kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức: Đối tượng, nhiệm vụ, chức

năng và các phương pháp nghiên cứu hành vi tổ chức.

Xác định được các cơ sở của hành vi cá nhân và hành vi nhóm, các vấn đề về cơ

cấu tổ chức và văn hoá tổ chức

Phân tích được các vấn đề tồn tại và thích ứng của tổ chức, sự thay đổi tổ chức, quá trình phát triển của tổ chức, các yếu tố cản trở sự thay đổi tổ chức và các biện pháp khắc phục những cản trở đó.

Mô tả được cách tiến hành các trắc nghiệm về hành vi tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO – Courses Learning Outcomes)

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Giải thích được khái niệm, những vấn đề chung về hành vi tổ chức và quản trị hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến hành vi của cá nhân trong tổ chức.

CLO2: Vận dụng một số học thuyết về tạo động lực và các học thuyết về lãnh đạo vào thực tế, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố nhóm đến hành vi cá nhân.

CLO3: Thực hiện phân tích năng lực, thái độ làm việc động viên, khuyến khích người khác làm việc.

CLO4: Thực hiện thuyết trình, giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

CLO5: Tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và các kiến thức có liên quan, có năng lực tự học, có những hành xử phù hợp trong học tập và công việc trong tương lai.

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

CLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
CLO 1			H										
CLO 2			H										
CLO 3											H		
CLO 4							H	H					
CLO 5													H
TỔNG HỢP TOÀN BỘ HỌC PHẦN			H				H	H			H		H

Trong đó:

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5
Phương pháp thuyết giảng	H	H	M	M	
Phương pháp phát vấn	M	M	M	M	M

Phương pháp dạy học nhóm, cặp (thảo luận, làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm)	H	H	H	H	M
Hướng dẫn tự học	M	M	M	M	H
Thuyết trình tích cực	H	M	H	H	M

4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Phương pháp đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5
Chuyên cần (mức độ đầy đủ tham gia các buổi học, bài tập về nhà, tự học, phát biểu, thái độ học tập)	M	M	M	M	H
Viết (tự luận, trắc nghiệm)	H	H	H	H	
Thực hành, thảo luận, tình huống, đóng vai	H	H	H	H	M

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp.
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia làm bài kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Học liệu:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Bùi Anh Tuấn và Phạm Thúy Hương (2016), *Giáo trình Hành vi tổ chức, Đại học Kinh tế Quốc dân*

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Tạ Thị Hồng Hạnh (2022), *Hành vi tổ chức, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*
- Slide bài giảng của giảng viên

7. Mô tả học phần:

Môn Hành vi tổ chức cung cấp những kiến thức cơ sở cần thiết cho nhà quản trị dựa trên nền tảng của nghiên cứu tâm lý học, xã hội học. Giúp các nhà quản trị tương lai hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm, tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Nhà quản lý nào cũng cần có kỹ năng quan hệ con người tốt để có thể quản lý cấp dưới, giao tiếp với cấp trên, quản trị thành công sự thay đổi của tổ chức. Những kiến thức kỹ năng này càng có ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam, khi các doanh nghiệp, các tổ chức đều đang buộc phải đổi mới.

8. Nội dung chi tiết học phần

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Hoạt động giảng dạy	CDR HP	Hoạt động dạy	Hoạt động học
---------	--------------------	---------------------	--------	---------------	---------------

		LT	BT, TNL, TH	K T	Tự học	CLO		
Bài 1	Chương 1: Tổng quan về hành vi tổ chức 1.1 Khái niệm, vai trò, chức năng của hành vi tổ chức 1.2 Các biến trong mô hình hành vi tổ chức	3	0	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	SV đọc trước giáo trình
Bài 2	Chương 1. Tổng quan về hành vi tổ chức (tiếp) 1.3. Phân loại hệ thống thông tin quản lý 1.4 Hành vi tổ chức với những thách thức và cơ hội của tổ chức	3	0	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	SV đọc trước giáo trình Làm bài tập, thảo luận nhóm
Bài 3	Chương 2: Cơ sở hành vi cá nhân 2.1. Tính cách và giá trị 2.1.1 Khái niệm tính cách 2.1.2 Các mô hình tính cách liên quan đến Hành vi tổ chức 2.1.3 Khái niệm giá trị 2.1.4 Hệ thống các giá trị 2.1.5 Bài học cho nhà quản lý	3	0	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	SV đọc trước giáo trình Làm bài tập, thảo luận nhóm
Bài 4	Chương 2: Cơ sở hành vi cá nhân (tiếp) 2.2. Nhận thức và quá trình ra quyết định cá nhân 2.2.1 Khái niệm nhận thức 2.2.2 Yếu tố ảnh hưởng tới nhận thức	3	0	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	+ Đọc giáo trình. + Định hướng nội dung thảo luận

	<p>2.2.3 Nhận thức về người khác</p> <p>2.2.4 Khái niệm ra quyết định cá nhân</p> <p>2.2.5 Ra quyết định cá nhân trong tổ chức</p> <p>2.2.6 Yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định cá nhân</p> <p>2.2.7 Bài học cho nhà quản lý</p>							nhóm cho môn học theo HD của GV
Bài 5	<p>Chương 2: Cơ sở hành vi cá nhân (tiếp)</p> <p><i>2.1. Thái độ và sự thỏa mãn công việc</i></p> <p>2.3.1 Khái niệm thái độ</p> <p>2.3.2 Những thành phần chính của thái độ</p> <p>2.3.3 Những thái độ trong công việc</p> <p>2.3.4 Khái niệm thỏa mãn trong công việc</p> <p>2.3.5 Phản ứng của nhân viên khi hài lòng/không hài lòng trong công việc</p>	3	0	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	SV đọc trước giáo trình Làm bài tập, thảo luận nhóm
Bài 6	<p>Chương 2: Cơ sở hành vi cá nhân (tiếp)</p> <p><i>Động lực – tạo động lực</i></p> <p>2.4.1 Khái niệm tạo động lực</p> <p>2.4.2 Các thuyết tạo động lực</p> <p>2.4.3 Động lực – Từ khái niệm đến ứng dụng</p> <p>2.4.4 Bài học cho nhà quản lý</p> <p>Bài tập tình huống về tạo động lực</p>	2	1	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	SV đọc trước giáo trình Làm bài tập, thảo luận nhóm
Bài 7	<p>Chương 3: Cơ sở hành vi nhóm</p> <p>3.1 Tổng quan về nhóm</p>	2	0	1	5	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng,	SV đọc trước

	<p>và hành vi nhóm</p> <p>3.2 Yếu tố ảnh hưởng tới hành vi nhóm</p> <p>3.3 Đặc tính của nhóm làm việc hiệu quả</p> <p>Kiểm tra giữa học phần</p>					CLO5	Phát vấn, Giải quyết vấn đề	giáo trình
Bài 8	<p>Chương 3: Cơ sở hành vi nhóm (tiếp)</p> <p>3.4 Xung đột và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>3.5 Bài học cho nhà quản lý</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành về giải quyết xung đột</p>	2	1	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	SV đọc giáo trình trước Làm bài kiểm tra 1 tiết
Bài 9	<p>Chương 4: Cơ cấu tổ chức và văn hóa tổ chức</p> <p>4.1 Cơ cấu tổ chức</p> <p>4.1.1 Khái niệm, tầm quan trọng cơ cấu tổ chức</p> <p>4.1.2 Xác định cơ cấu tổ chức phổ biến</p> <p>4.1.3 Các hình thức thiết kế tổ chức</p> <p>4.1.4 Những nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn cơ cấu tổ chức</p> <p>Thảo luận về một số mô hình cơ cấu tổ chức phổ biến tại các doanh nghiệp</p>	2	1	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	- SV đọc trước giáo trình - Tham gia làm bài tập tình huống
Bài 10	<p>Chương 4: Cơ cấu tổ chức và văn hóa tổ chức (tiếp)</p> <p>4.2 Văn hóa tổ chức</p> <p>4.2.1 Khái niệm</p> <p>4.2.2. Đặc trưng</p> <p>4.2.3 Văn hóa bộ phận và văn hóa mạnh</p> <p>4.2.4 Vai trò văn hóa tổ chức</p>	2	1	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	- SV đọc trước giáo trình - Tham gia làm bài tập

	<p>4.2.5 Tạo lập và duy trì văn hóa</p> <p>4.2.6 Truyền bá văn hóa tổ chức</p> <p>Tìm hiểu về văn hóa tổ chức tại một số doanh nghiệp.</p> <p>Làm bài tập tình huống về văn hóa tổ chức</p>							tình huống
Bài 11	Các nhóm thuyết trình	0	3	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		SV lập kế hoạch, phân công nhóm, chuẩn bị tài liệu nhóm, thuyết trình, đặt câu hỏi và phản biện
Bài 12	Các nhóm thuyết trình	0	3	0	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		SV lập kế hoạch, phân công nhóm, chuẩn bị tài liệu nhóm, thuyết trình, đặt câu hỏi và

								phản biện
Tổng cộng		25	10	1	60			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường:
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy chiếu, laptop, bút dạ viết bảng, phấn, bút chỉ slide.

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá:

Hình thức đánh giá	Phần trăm	Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng
1. Chuyên cần (kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp: 01 điểm)	10%	Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên có mặt, tham gia đầy đủ 100% buổi học, giờ học. • Sinh viên tích cực phát biểu. Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá thái độ học tập: sự chăm chỉ, nghiêm túc, kỷ luật, sự hào hứng, say mê học tập.
2. Viết bài theo chủ đề (kiểm tra định kỳ: 1-2 bài)	10 %	Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên làm việc độc lập. • Sinh viên sẽ viết các bài theo các chủ đề đã học (khoảng 3-4 chủ đề). Điểm của sinh viên sẽ được đánh giá là điểm trung bình cộng của các bài viết. Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> • Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức, phát triển kỹ năng phân tích, kỹ năng trình bày vấn đề bằng văn bản, kỹ năng lập luận.
3. Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm, tự luận)	20%	Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên thực hiện bài kiểm tra trong khoảng thời gian nhất định. Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhớ kiến thức đã học. • Có biện pháp cải tiến phương pháp học tập để đạt kết quả tốt hơn vào cuối kỳ.

4. Thi hết học phần (tự luận)	60%	Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên nghiên cứu kỹ các mục tiêu của bài tập cần đạt. • Đọc, ghi nhớ tài liệu để có cơ sở lý thuyết cho bài tập phân tích tình huống. Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích sinh viên chủ động tìm tòi, nghiên cứu. • Tăng cường khả năng quan sát, tư duy và lập luận logic và phê phán.
--------------------------------------	-----	---

10.2. Miêu tả chi tiết các bài kiểm tra trong kỳ, bài thi hết học phần và bộ tiêu chí đánh giá:

- Sinh viên sẽ làm 01 bài kiểm tra định kỳ theo hình thức Viết bài theo chủ đề liên quan đến các nội dung đã học và 01 bài kiểm tra lý thuyết 45 phút vào giữa kỳ trong phạm vi nội dung đã học.
- Sinh viên sẽ làm bài thi thực hành hết học phần 90 phút sau khi học xong toàn bộ học phần.
- Các bài kiểm tra này thể hiện kết quả học trên lớp, tự học, thực hành, làm bài tập mà sinh viên đã thực hiện cũng như khả năng vận dụng những kiến thức đã được học.

Tiêu chí đánh giá (Rubrics định tính cho bài thi hết học phần tự luận)

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
Nội dung đầy đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. Có phân tích mở rộng (phân tích đúng hướng và đủ ý). Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, xúc tích, logic. Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn. Không có lỗi chính tả.	Xuất sắc	9 - 10
Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. Có mở rộng, phân tích đúng hướng nhưng chưa đủ ý. Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. Còn lỗi chính tả.	Khá – Giỏi	7- 8
Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. Không phân tích. Trình bày không rõ ý, chưa logic. Còn lỗi chính tả.	Trung bình	5 - 6
Trả lời sai, lạc đề, hoặc phân trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi. Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 50%. Không hiểu câu hỏi. Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi). Nhiều lỗi chính tả.	Yếu	3 - 4

Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 20%. Không làm hết câu hỏi, bỏ đến 80% nội dung. Không hiểu câu hỏi. Không hiểu các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 6 lỗi). Diễn đạt không rõ ý. Nhiều lỗi chính tả.	Kém	0 - 2
---	-----	-------

10.3. Chính sách trong đánh giá chuyên cần:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Trưởng khoa



TS. Phạm Phan Dũng

Trưởng bộ môn



TS. Trần Đức Lộc

Người soạn đề cương



ThS. Võ Thị Đào